TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST
Ngày: 28-03-2023
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phước Mãng

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2022/TLST- DS ngày 04/10/2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 14/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 02/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Trụ sở: 266-268 N.K.K.N, Phường V, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T.L.N, sinh năm 1978

Địa chỉ: 278 N.K.K.N, Phường V, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 489/2022/UQ-TGĐ ngày 21/10/2022)

2. Bị đơn: Ông H.N.V, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: 78/19B T.H.Đ, Phường F, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/03/2019, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S (viết tắt là S) có ông T.L.N đại diện trình bày:

Ngày 04/01/2017, Ngân hàng S và ông H.N.V đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), gồm các loại thẻ và điều khoản chính sau:

Ngân hàng S đã cấp thẻ tín dụng số 472074-6977 ngày 04/7/2017 cho ông

H.N.V với hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng, với mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 và lãi suất 2.6%/tháng theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/9/2019. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông V đã giao dịch với tổng số tiền là 13.652.800 đồng và ông V đã thanh toán cho Ngân hàng được 5.449.000 đồng (thứ tự thanh toán như trong Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S) và không có thiện trí trả nợ tiếp cho ngân hàng. Ngày 01/10/2017, Ngân hàng đã thực hiện chuyển khoản nợ thẻ của ông V sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn, đồng thời ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông V tại Ngân hàng S.

Tính đến ngày 28/3/2023, ông H.N.V còn nợ Ngân hàng S các khoản sau: Nợ gốc: 10,755,540 đồng; Lãi quá hạn: 23,181,810 đồng. Tổng cộng: 33,937,350 đồng.

Đối với bị đơn là ông H.N.V: Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H.N.V đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông H.N.V vắng mặt. Ngân hàng S có ông T.L.N đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Cần buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng S thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng do bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét nguyên đơn Ngân hàng S có người đại diện theo ủy quyền là ông T.L.N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông H.N.V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 04/01/2017 kèm theo Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng S với ông H.N.V, với các điều khoản chính sau:

Chủ thẻ, là cả chủ thẻ chính và bất kỳ tất cả Chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản, do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có hóa đơn được ký hay chứng từ khác;

Ngày 01/10/2017, Ngân hàng S đã thông báo chuyển số nợ vay còn thiếu là 10.755.540 đồng sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 3.225%/tháng. Các tình tiết trên đây đã được Tòa án thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật.

Xét trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 04/1/2017 và theo Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì tính từ ngày 01/10/2017 cho đến nay ông H.N.V đã không đóng tiền lãi, phí và trả nợ gốc cho Ngân hàng S là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, ông H.N.V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và phí phát sinh tính đến ngày 28/03/2023 cho Ngân hàng S, cụ thể như sau: nợ gốc: 10.755.540 đồng, lãi quá hạn: 23.181.810 đồng và số tiền lãi quá hạn được tính tiếp cho ông V từ ngày 29/03/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng S theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng.

3. Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

Đối với các khoản tiền vay của Tổ chức ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nên ông V còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng S không phải chịu án phí. Ông H.N.V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm a điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S

Buộc ông H.N.V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ phát sinh từ việc giao dịch thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 04/01/2017 giữa Ngân hàng S và ông H.N.V tính đến ngày 28/3/2023 là: 33.937.350 đồng (Ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc: 10.755.540 đồng, lãi quá hạn: 23.181.810 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng.

3. Về án phí: Ông H.N.V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.696.868 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng).

- Ngân hàng S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 418.038 đồng theo biên lai thu tiền số 0011135 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Bảy